

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số..... ngày tháng năm 2024)

STT	Ký hiệu	Tên mẫu
1	Mẫu số 01/BĐ	Đơn đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất
2	Mẫu số 02/ĐĐ	Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
TÁCH THỬA ĐẤT, HỢP THỬA ĐẤT**

Kính gửi: Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh
Văn phòng Đăng ký đất đai.....

**PHẦN GHI
CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ**
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ
ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.
Vào sổ tiếp nhận hồ sơ
số:.....Quyển.....
Ngày..... / /
Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

(Xem kỹ hướng dẫn ở cuối đơn này trước khi viết đơn; không tẩy xóa, sửa chữa nội dung trên Đơn)

1. Người sử dụng đất⁽¹⁾:
1.1. Họ và tên (Viết chữ in hoa):, CCCD/CC/HC số:
Địa chỉ thường trú:
1.2.
.....
2. Đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất như sau:
2.1. Tách thửa đất số, tờ bản đồ số:....., diện tích:.....m²; loại đất:.....;
Địa chỉ thửa đất:;
GCN quyền sử dụng đất: số vào sổ cấp GCN:, ngày cấp GCN:,
Thành..... thửa:
Thửa thứ nhất: diện tích:.....m²; loại đất:.....;
Thửa thứ hai: diện tích:.....m²; loại đất:.....;
.....
.....
(Liệt kê các thửa đất tách thửa.....)
2.2. Hợp thửa đất số, tờ bản đồ số:....., diện tích:.....m²; loại đất:.....
Địa chỉ thửa đất:;
GCN quyền sử dụng đất: số vào sổ cấp GCN:, ngày cấp GCN:,
với:
Thửa đất số:, tờ bản đồ số:....., diện tích:.....m²; loại đất:.....
Địa chỉ thửa đất:;
GCN quyền sử dụng đất: số vào sổ cấp GCN:, ngày cấp GCN:
.....
(liệt kê các thửa đất cần hợp).....
Thành thửa đất mới: Diện tích:.....m²; loại đất:.....
.....
.....(liệt kê các thửa đất sau hợp thửa)

2.3. Trường hợp tách thửa đồng thời với hợp thửa:

.....

 (Mô tả chi tiết việc tách, hợp thửa.....)

3. Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất;

.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn⁽²⁾

(Ký và ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI⁽³⁾

.....

Ngày..... tháng..... năm

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ngày..... tháng..... năm

Cơ quan đăng ký đất đai

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Hướng dẫn viết đơn:

(1) Ghi tên người sử dụng đất và thông tin thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trường hợp hợp các thửa đất gốc thuộc nhiều người sử dụng đất khác nhau thì ghi đầy đủ người sử dụng đất của các thửa đất gốc đó.

(2) Người sử dụng đất của các thửa đất gốc cùng ký vào Đơn.

Trường hợp ủy quyền viết đơn thì người được ủy quyền ký, ghi rõ họ tên và ghi “được Ủy quyền”; đối với tổ chức sử dụng đất phải ghi họ tên, chức vụ người viết đơn và đóng dấu của tổ chức.

(3) Cơ quan đăng ký đất đai ghi rõ “Đủ điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất như bản vẽ gửi kèm” và số thứ tự thửa đất, tờ bản đồ (nếu có thay đổi tờ bản đồ) dự kiến sau khi tách thửa đất, hợp thửa đất.

Mẫu số 02/BĐ:

BẢN VẼ TÁCH THỬA ĐẤT, HỢP THỬA ĐẤT

(Kèm theo Đơn đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất)

I. Hình thức tách, hợp thửa đất: (Ghi rõ: “Tách thửa” hoặc “Hợp thửa” hoặc “Tách thửa đồng thời với hợp thửa”)

II. Thửa đất gốc:

1. Thửa đất thứ nhất:

1.1. Thửa số:, tờ bản đồ số:, diện tích:..... m2, loại đất:....., địa chỉ thửa đất:;
GCN quyền sử dụng đất: Cơ quan cấp:, ngày cấp: , số vào sổ cấp GCN:
1.2. Họ và tên người sử dụng đất:; CCCD/CC/HC số: , địa chỉ thường trú:
1.3. Tình hình sử dụng đất: (Ghi sự thay đổi ranh giới thửa đất hiện trạng so với khi cấp GCN, tình hình tranh chấp đất đai, hiện trạng sử dụng đất):

2. Thửa đất thứ hai:

III. Thửa đất sau khi tách thửa/hợp thửa:

3. Chia tách thửa đất/hợp thửa đất:

(Mô tả chi tiết các thửa đất tách, thửa đất hợp, thửa đất tách thửa đồng thời với hợp thửa: Số lượng thửa đất và diện tích, loại đất)

.....

.....

3.1. Sơ đồ chia tách thửa đất/hợp thửa đất (theo ví dụ minh họa)(*):

3.1.1. Trước chia tách thửa đất/hợp thửa đất: (Thể hiện hình vẽ, các đỉnh thửa đất, diện tích, loại đất, người sử dụng đất liền kề)	3.1.2. Sau chia tách thửa đất/hợp thửa đất: (Thể hiện hình vẽ, các đỉnh thửa đất, diện tích, loại đất, người sử dụng đất liền kề)	3.1.3. Kích thước cạnh thửa đất: <table border="1"><thead><tr><th>Đoạn</th><th>Kích thước (m)</th></tr></thead><tbody><tr><td colspan="2">1. Thửa số:</td></tr><tr><td>1-2</td><td></td></tr><tr><td>...</td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td colspan="2">2. Thửa số:</td></tr><tr><td>...</td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></tbody></table>	Đoạn	Kích thước (m)	1. Thửa số:		1-2		...				2. Thửa số:		...			
Đoạn	Kích thước (m)																	
1. Thửa số:																		
1-2																		
...																		
2. Thửa số:																		
...																		

3.2. Mô tả (Mô tả chi tiết ranh giới, mốc giới các thửa đất sau tách, hợp thửa) (theo ví dụ minh họa):

.....

.....

.....

3.3. Người lập bản vẽ (Ghi: “Người sử dụng đất tự lập” hoặc ghi tên đơn vị đo đạc lập bản vẽ (nếu có) kèm địa chỉ trụ sở đơn vị, số Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, nơi cấp, ngày tháng năm cấp):

.....

Ngày..... tháng..... năm

Người sử dụng đất

(Ký, ghi rõ họ và tên hoặc điểm chỉ)

Ngày..... tháng..... năm

Đơn vị đo đạc (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

IV. Xác nhận của Cơ quan đăng ký đất đai:

.....
.....

Ngày..... tháng..... năm

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ngày..... tháng..... năm

Cơ quan đăng ký đất đai

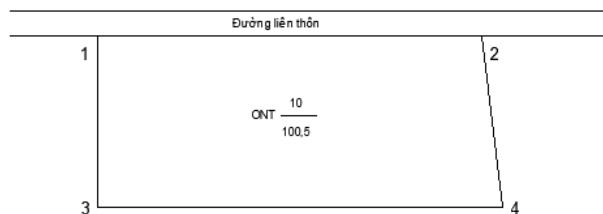
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

(*) Ví dụ hình minh họa khi chia tách thửa đất/hợp thửa đất (mục 3.1, 3.2) :

3.1. Sơ đồ chia tách thửa đất/hợp thửa đất

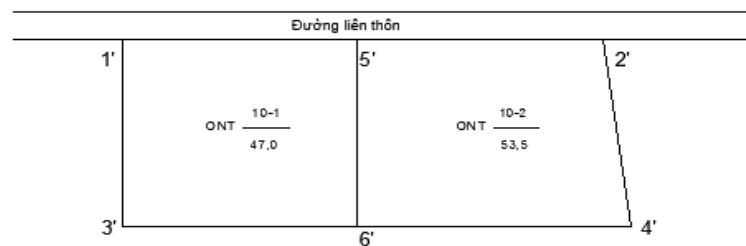
3.1.1. Trước chia tách thửa đất/hợp thửa đất:

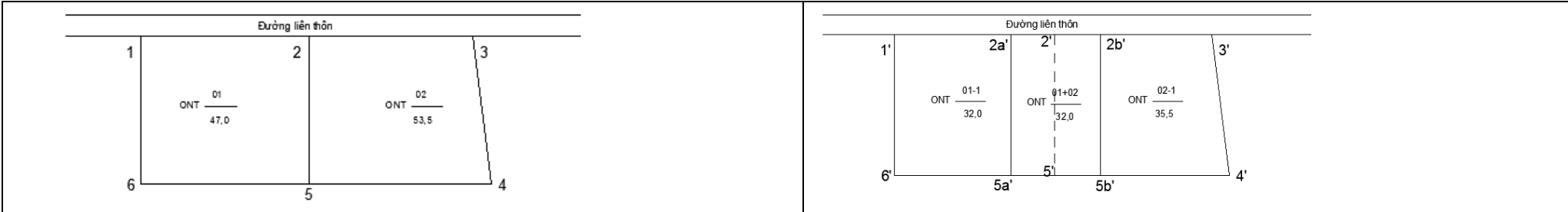
a) Chia tách thửa đất:



b) Hợp thửa đất, hợp thửa đất đồng thời chia tách thửa đất:

3.1.2. Sau chia tách thửa đất/hợp thửa đất





3.2. Mô tả (Mô tả chi tiết ranh giới, mốc giới các thửa đất sau tách, hợp thửa):

- a) Thửa tách ra thứ nhất:
- Từ điểm 1' đến điểm 5':.....(Ví dụ: Điểm 1 là dấu sơn; ranh giới theo tìm tường xây kiên cố, mép tường...)
 - Từ điểm 5' đến điểm 6':... (Ví dụ: Điểm 2,3 là cọc tre, ranh giới theo mép bờ trong rãnh nước)
 - Từ điểm 6' đến điểm 1': ... (Ví dụ: Điểm 4 là góc ngoài tường, ranh giới theo mép sân, tường nhà);
- b) Thửa tách thứ 2:
- Từ điểm 4 đến điểm 5:.....
- c) Thửa đất sau khi hợp thửa:.....

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Nghị định số..... ngày tháng năm 2024)

STT	Ký hiệu	Tên mẫu
1	Mẫu số 01/ĐK	Thông báo kết quả đăng ký đất đai
2	Mẫu số 02/ĐK	Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân
3	Mẫu số 02a/ĐK	Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất
4	Mẫu số 02b/ĐK	Danh sách các thửa đất nông nghiệp của cùng một người sử dụng, người được giao quản lý đất
5	Mẫu số 02c/ĐK	Danh sách tài sản gắn liền với đất trên cùng một thửa đất
6	Mẫu số 03/ĐK	Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với tổ chức đang sử dụng đất
7	Mẫu số 03a/ĐK	Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (Kèm theo Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất)
8	Mẫu số 03b/ĐK	Thống kê các thửa đất (kèm theo Báo cáo rà soát hiện trạng quản lý, sử dụng đất)
9	Mẫu số 04/ĐK	Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
10	Mẫu số 05/ĐK	Phiếu lấy ý kiến về việc chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
11	Mẫu số 06/ĐK	Biên bản của Hội đồng đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu
12	Mẫu số 07/ĐK	Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã
13	Mẫu số 08/ĐK	Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường
14	Mẫu số 09/ĐK	Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường
15	Mẫu số 10/ĐK	Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất
16	Mẫu số 11/LCHS	Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

.....(1).....

.....(2).....

Số: /TB-....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngàythángnăm.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đã được cơ quan có chức năng quản lý đất đai ... (cấp huyện/tỉnh) xem xét và Thông báo kết quả đăng ký đất đai như sau:

1. Thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

1.1. Tên:

1.2. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:

1.3. Địa chỉ:

2. Thông tin về thửa đất đăng ký:

2.1. Thửa đất số:.....; 2.2. Tờ bản đồ số:

2.3. Địa chỉ tại:

2.4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

2.5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:.....;

2.6. Nguồn gốc sử dụng:.....;

2.7. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số, của, nội dung quyền sử dụng

3. Thông tin về tài sản đăng ký:

3.1. Loại nhà ở, công trình:

3.2. Diện tích xây dựng: (m²);

3.3. Diện tích sàn:

3.4. Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;

3.5. Số tầng:

3.7. Thời hạn sở hữu đến:.....

4. Những giấy tờ đã nộp:

5. Kết quả xét duyệt hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất:

5.1. Đối với thửa đất đăng ký(3).....

5.2. Đối với tài sản đăng ký ... (4) ...

Nơi nhận:

- Người kê khai Đơn;
- Văn phòng Đăng ký đất đai ...;
- Lưu: VT, VP.

.....**(2)**.....
(Ký tên đóng dấu)

- 1) Mục (1): Cơ quan, đơn vị cấp trên của cơ quan ban hành Thông báo.
- 2) Mục (2): Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành Thông báo.
- 3) Mục (3) và Mục (4): ghi “đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận” hoặc “không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận” và ghi cụ thể “theo quy định tại điểm... khoản ... Điều của Luật Đất đai, Nghị định ... của Chính phủ...”.
- 4) Mục 1, Mục 2, Mục 3 và Mục 4: ghi các nội dung theo Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi đã kiểm tra, đối chiếu với các giấy tờ nộp kèm theo và hồ sơ địa chính đang được lưu trữ tại cơ quan, đơn vị.

Mẫu số 02/ĐK Mẫu đơn này dùng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

(Xem kỹ hướng dẫn viết Đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên Đơn)

1.1. Tên:

1.2. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:

1.3. Địa chỉ:

1.4. Điện thoại liên hệ: Hộp thư điện tử:

(Trường hợp nhiều người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản đó vào danh sách kèm theo Mẫu 02a/ĐK)

2. Đề nghị: (Đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)

- Đăng ký đất đai ☐

- Cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất ☐

- Đăng ký quyền quản lý thửa đất ☐

- Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất ☐

3. Thửa đất đăng ký: *(Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoặc đề nghị cấp chung một Giấy chứng nhận cho nhiều thửa đất nông nghiệp thì không kê khai các nội dung từ Mục 3.1 đến Mục 3.8 mà chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo Mẫu 02b/ĐK)*

3.1. Thửa đất số:

3.2. Tờ bản đồ số:

3.3. Địa chỉ tại:

3.4. Diện tích: m²; sử dụng chung: m²; sử dụng riêng: m²;

3.5. Sử dụng vào mục đích:, từ thời điểm:

3.6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất:

3.7. Nguồn gốc sử dụng:

3.8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số, của,
nội dung quyền sử dụng

4. Nhà ở, công trình xây dựng: *(Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được đăng ký hoặc chứng nhận quyền sở hữu tài sản)*

4.1. Loại nhà ở, công trình:

4.2. Địa chỉ:

- 4.3. Diện tích xây dựng: m²;
4.4. Tổng diện tích sàn m²;
4.5. Sở hữu chung:m², sở hữu riêng:m²;
4.6. Số tầng:;
4.7. Thời hạn sở hữu đến:.....

(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo Mẫu số 02c/ĐK)

5. Những giấy tờ nộp kèm theo:

- (1)
(2)
(3)
(4)
.....

6. Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính:

Đề nghị khác:

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền và nghĩa vụ của những người đồng sử dụng, đồng sở hữu kèm theo Đơn này.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Hướng dẫn kê khai đơn:

5) Mục “Kính gửi”:

- Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất mà không cấp Giấy chứng nhận thì ghi “Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn...”. Trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận thì ghi “Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố...”.
- Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao và người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài có nhu cầu đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất mà không cấp Giấy chứng nhận thì ghi “Văn phòng đăng ký đất đai...”. Trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận thì ghi “Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...”.

6) Mục 1.1:

- Cá nhân: ghi chữ in hoa đúng với họ và tên, năm sinh trong giấy khai sinh hoặc hộ chiếu.
- Cộng đồng dân cư: ghi tên của cộng đồng dân cư (do cộng đồng dân cư xác định, được Ủy ban nhân dân xã xác định).
- Tổ chức: ghi tên theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

7) Mục 1.2:

- Cá nhân: ghi số CMND hoặc số CCCD hoặc số Căn cước hoặc số định danh cá nhân hoặc số, ngày cấp và nơi cấp hộ chiếu. Lưu ý: từ ngày 01/01/2025 thì không sử dụng số CMND theo quy định của Luật Căn cước năm 2023.
- Tổ chức: ghi số, ngày ký, cơ quan ký văn bản theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

8) Mục 1.3:

- Cá nhân: ghi địa chỉ nơi đăng ký thường trú; cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì ghi địa chỉ đăng ký thường trú ở Việt Nam (nếu có).
- Cộng đồng dân cư: ghi địa chỉ nơi sinh hoạt chung của cộng đồng.
- Tổ chức: ghi địa chỉ trụ sở chính theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư tại Việt Nam.

9) Mục 1.4: ghi số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử (nếu có).

10) Mục 3.1 và Mục 3.2: ghi số hiệu của thửa đất và số thứ tự tờ bản đồ trên bản đồ địa chính hoặc ghi số hiệu thửa đất và số hiệu mảnh trích đo địa chính (nếu có).

11) Mục 3.3: ghi tên khu vực (xứ đồng, điểm dân cư,...); số nhà, tên đường phố (nếu có), thôn, tổ dân phố, tên đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, nơi có thửa đất.

12) Mục 3.4: ghi diện tích của thửa đất bằng số, được làm tròn số đến một chữ số thập phân.

- Diện tích “Sử dụng chung” là phần diện tích thửa đất thuộc quyền sử dụng của nhiều người sử dụng đất.
- Diện tích “Sử dụng riêng” là phần diện tích thửa đất thuộc quyền sử dụng của một người

sử dụng đất (một cá nhân hoặc một hộ gia đình, hai vợ chồng, một cộng đồng dân cư, một tổ chức trong nước, một tổ chức tôn giáo, một cá nhân nước ngoài, một người Việt Nam định cư ở nước ngoài,...).

13) Mục 3.5: ghi mục đích đang sử dụng chính của thửa đất. Từ thời điểm ghi ngày tháng năm...

14) Mục 3.6: ghi thời hạn theo quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc ghi “đến ngày .../.../... hoặc “Lâu dài” hoặc ghi bằng dấu “-/-”.

15) Mục 3.7: ghi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm hoặc nhận chuyển quyền (chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn) hoặc nguồn gốc khác.

16) Mục 3.8: ghi số hiệu của thửa đất liền kề (nếu có); tên người sử dụng của thửa đất bị hạn chế quyền; nội dung quyền sử dụng ghi theo văn bản xác lập quyền được sử dụng hạn chế.

17) Mục 4.1: ghi Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...

18) Mục 4.2: ghi tên công trình hoặc tên tòa nhà; số nhà, ngõ, ngách (nếu có), tên đường (phố), tên đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh

19) Mục 4.3: Đối với nhà ở riêng lẻ, công trình xây dựng độc lập ghi diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà ở, công trình tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà ở, công trình được làm tròn số đến một chữ số thập phân. Đối với căn hộ chung cư, văn phòng, hạng mục công trình thuộc tòa nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp thì ghi diện tích căn hộ chung cư, văn phòng, hạng mục công trình đó.

20) Mục 4.4: Đối với nhà ở, công trình một tầng thì không ghi nội dung này. Đối với nhà ở, công trình nhiều tầng thì ghi tổng diện tích mặt bằng sàn xây dựng của các tầng.

21) Mục 4.5:

- Diện tích “Sở hữu chung” là phần diện tích thuộc quyền sở hữu của nhiều người.
- Diện tích “Sở hữu riêng” là phần diện tích thuộc quyền sở hữu của một người (một cá nhân hoặc một hộ gia đình, hai vợ chồng, một cộng đồng dân cư, một tổ chức trong nước, một tổ chức tôn giáo, một cá nhân nước ngoài, một người Việt Nam định cư ở nước ngoài,...).

22) Mục 4.6: ghi số tầng của nhà ở, công trình xây dựng.

23) Mục 4.7: Ghi ngày tháng năm kết thúc thời hạn sở hữu nhà ở, công trình hoặc ghi bằng dấu “-/-” nếu không xác định được thời hạn sở hữu của nhà ở, công trình xây dựng.

24) Mục 5: ghi đầy đủ các loại giấy tờ nộp kèm theo Đơn này.

25) Mục 6: ghi nội dung có nhu cầu nợ tiền sử dụng đất hoặc khoản nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

DANH SÁCH
NGƯỜI SỬ DỤNG CHUNG THỬA ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU CHUNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Mẫu số (*)...../ĐK của (**)

Sử dụng chung thửa đất ☐ ; Sở hữu chung tài sản gắn liền với đất ☐ (đánh dấu vào ô lựa chọn)

Số thứ tự	Tên người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất	Năm sinh	Giấy tờ pháp nhân, nhân thân của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất				Địa chỉ
			Loại giấy tờ	Số	Ngày, tháng, năm cấp	Cơ quan cấp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							

....., ngày tháng năm

Người kê khai

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

Lưu ý: Mẫu này áp dụng đối với trường hợp thửa đất, tài sản gắn liền với đất của chung nhiều tổ chức hoặc nhiều hộ gia đình, cá nhân hoặc gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; **trừ trường hợp đất làm nhà chung cư.**

Hướng dẫn kê khai:

- Mục (*): ghi số “02” nếu kèm theo Mẫu số 02/ĐK. Ghi số “10” nếu kèm theo Mẫu số 10/ĐK.
- Mục (**): ghi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất như Mục 1.1 của Mẫu số 02/ĐK hoặc Mẫu số 10/ĐK.
- Cột (2) và Cột (3): ghi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất theo hướng dẫn tại Mẫu số 02/ĐK hoặc Mẫu số 10/ĐK. Đối với tổ chức thì không kê khai Cột (3).
- Cột (4): Đối với cá nhân thì ghi CMND hoặc CCCD hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu (Lưu ý: từ ngày 01/01/2025 thì không sử dụng số CMND theo quy định của Luật Căn cước năm 2023). Đối với tổ chức thì ghi quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.
- Cột (5), Cột (6), Cột (7): ghi các thông tin tương ứng theo loại giấy tờ đã kê khai tại Cột (4).
- Cột (8): ghi địa chỉ người sử dụng đất theo hướng dẫn tại Mẫu số 02/ĐK hoặc Mẫu số 10/ĐK.

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT
CỦA CÙNG MỘT NGƯỜI SỬ DỤNG, NGƯỜI ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ
(Kèm theo Mẫu số ()..../ĐK của (**))*

Số thứ tự	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							

....., ngày tháng năm

Người kê khai

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

Lưu ý: Mẫu này sử dụng cho trường hợp người sử dụng đất sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp có nhu cầu cấp chung 01 Giấy chứng nhận hoặc đã cấp chung 01 Giấy chứng nhận và trường hợp người được Nhà nước giao quản lý đất đăng ký nhiều thửa đất.

Hướng dẫn kê khai:

- Mục (*): ghi số “02” nếu kèm theo Mẫu số 02/ĐK. Ghi số “10” nếu kèm theo Mẫu số 10/ĐK.
- Mục (**): ghi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất như Mục 1.1 của Mẫu số 02/ĐK hoặc Mẫu số 10/ĐK.
- 1. Trường hợp người sử dụng đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho nhiều thửa đất nông nghiệp mà có nhu cầu cấp chung 01 Giấy chứng nhận hoặc người được Nhà nước giao quản lý đất đăng ký nhiều thửa đất thì ghi thông tin như sau:
 - Cột (2) và Cột (3): ghi số hiệu của thửa đất và số thứ tự tờ bản đồ trên bản đồ địa chính hoặc ghi số hiệu thửa đất và số hiệu mảnh trích đo địa chính (nếu có).
 - Cột (4): ghi tên khu vực (xứ đồng, điểm dân cư,...); số nhà, tên đường phố (nếu có), thôn, tổ dân phố, tên đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, nơi có thửa đất.
 - Cột (5): ghi diện tích của thửa đất bằng số, được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
 - Cột (6): ghi mục đích đang sử dụng chính của thửa đất.
 - Cột (7): ghi thời hạn theo quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc ghi “đến ngày .../.../... hoặc ghi bằng dấu “-/-”.

- Cột (8): ghi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm hoặc nhận chuyển quyền (chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn) hoặc nguồn gốc khác.

2. Trường hợp đã cấp chung 01 Giấy chứng nhận thì ghi các thông tin của các thửa đất từ Cột (2) đến Cột (8) đúng theo thông tin trên Giấy chứng nhận đã cấp.

DANH SÁCH
TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN CÙNG MỘT THỪA ĐẤT
(Kèm theo Mẫu số (*)..../ĐK của (**))

Loại nhà ở, công trình xây dựng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Hình thức sở hữu (chung, riêng)	Số tầng	Thời hạn sở hữu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

....., ngày tháng năm

Người kê khai
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

Hướng dẫn kê khai:

- Mục (*): ghi số “02” nếu kèm theo Mẫu số 02/ĐK. Ghi số “06” nếu kèm theo Mẫu số 10/ĐK.
- Mục (**): ghi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất như Mục 1.1 của Mẫu số 02/ĐK hoặc Mẫu số 10/ĐK.
- Cột (1): ghi Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,...
- Cột (2): Đối với nhà ở riêng lẻ, công trình xây dựng độc lập ghi diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà ở, công trình tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà ở, công trình được làm tròn số đến một chữ số thập phân. Đối với căn hộ chung cư, văn phòng, hạng mục công trình thuộc tòa nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp thì ghi diện tích căn hộ chung cư, văn phòng, hạng mục công trình đó.
- Cột (3): Đối với nhà ở, công trình một tầng thì không ghi nội dung này. Đối với nhà ở, công trình nhiều tầng thì ghi tổng diện tích mặt bằng sàn xây dựng của các tầng.
- Cột (4): ghi “Sở hữu chung” nếu diện tích thuộc quyền sở hữu của nhiều người. Ghi “Sở hữu riêng” là phần diện tích thuộc quyền sở hữu của một người (một cá nhân hoặc một hộ gia đình, hai vợ chồng, một cộng đồng dân cư, một tổ chức trong nước, một tổ chức tôn giáo, một cá nhân nước ngoài, một người Việt Nam định cư ở nước ngoài,...).
- Cột (5): ghi số tầng của nhà ở, công trình xây dựng.
- Cột (6): Ghi ngày tháng năm kết thúc thời hạn sở hữu nhà ở, công trình hoặc ghi bằng dấu “-/-” nếu không xác định được thời hạn sở hữu của nhà ở, công trình xây dựng.

Mẫu số 03/ĐK: Mẫu đơn này dùng cho tổ chức đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

1. Thông tin của tổ chức đang sử dụng đất (Xem kỹ hướng dẫn viết Đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên Đơn)

1.1. Tên:

1.2. Giấy tờ pháp nhân:.....

1.3. Địa chỉ:

1.4. Điện thoại liên hệ:..... Hộp thư điện tử:.....

2. Đề nghị: (Đánh dấu ✓ vào ô lựa chọn)

- Đăng ký đất đai ☐

- Cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất ☐

- Đăng ký quyền quản lý thửa đất ☐

- Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất ☐

3. Những giấy tờ nộp kèm theo:

(1) Giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có)

(2) Báo cáo Kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức

(3)

(4)

.....

Cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai.

....., ngày tháng ... năm

Tổ chức kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn kê khai đơn:

- 1) Mục “Kính gửi”: Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất mà không cấp Giấy chứng nhận thì ghi “Văn phòng đăng ký đất đai...”. Trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận thì ghi “Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....”.
- 2) Mục 1.1: ghi tên theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

- 3) Mục 1.2: ghi số, ngày ký, cơ quan ký văn bản theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.
- 4) Mục 1.3: ghi địa chỉ trụ sở chính theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư tại Việt Nam.
- 5) Mục 1.4: ghi số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử (nếu có).
- 6) Mục 3: ghi đầy đủ các loại giấy tờ nộp kèm theo Đơn này, trong đó phải có Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức theo Mẫu quy định tại Nghị định này.

Tên tổ chức báo cáo:...(1)...

Địa chỉ: ... (2) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-TC

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của tổ chức, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... (3) ...

I. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT

1. Tên tổ chức sử dụng đất: ... (1) ...

2. Địa chỉ khu đất: ... (4) ...

(Trường hợp khu đất có nhiều thửa đất thì lập danh sách từng thửa đất theo Mẫu số 03b.ĐK)

3. Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: m²; trong đó:

3.1. Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: m²

3.2. Diện tích đất đang liên doanh, liên kết sử dụng: m²

3.3. Diện tích đất đang cho thuê, cho mượn sử dụng: m²

3.4. Diện tích đất đang bị lấn, bị chiếm: m²

3.5. Diện tích đất đang có tranh chấp sử dụng: m²

3.6. Diện tích đất đã bố trí làm nhà ở cho hộ gia đình cán bộ, công nhân viên của đơn vị đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ việc theo chế độ: m²

3.7. Diện tích đất chưa sử dụng: m²

3.8. Diện tích khác: m²

4. Mục đích sử dụng đất:

4.1. Mục đích theo Quyết định giao đất, cho thuê đất: (5)

4.2. Mục đích thực tế đang sử dụng (6):

- : m²

- : m²

5. Tài sản gắn liền với đất (đối với trường hợp của tổ chức):

Loại công trình xây dựng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Thời hạn sở hữu	Tại thửa đất số

II. THỜI HẠN SỬ DỤNG ĐẤT

Sử dụng từ ngày....tháng năm đến ngày tháng năm

III. NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT

1. Diện tích đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất:m²
2. Diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất:m²
3. Diện tích đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê một lần: m²
4. Diện tích đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê hàng năm: m²
5. Diện tích đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất:..... m²
6. Diện tích đất có nguồn gốc khác (ghi cụ thể):..... m²

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

1. Loại nghĩa vụ tài chính về đất đai đã thực hiện hoặc chưa thực hiện
 - 1.1. Tiền sử dụng đất đã nộp:đ; Số tiền còn nợ:.....đ
 - 1.2. Tiền thuê đất đã nộp:đ, tính đến ngày ... /... /.....,
 - 1.3. Thuế chuyển quyền sử dụng đất đã nộp:.....đ; Số tiền còn nợ:đ
 - 1.4. Lệ phí trước bạ đã nộp:.....đ; Số tiền còn nợ:đ
- Cộng tổng số tiền đã nộp:đ; Số tiền còn nợ:đ
2. Số tiền đã thanh toán có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước:đ
(Bằng chữ:.....)

V. GIẤY TỜ VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT HIỆN CÓ (7)

1.
2.
3.

VI. KIẾN NGHỊ

1. Diện tích đất đề nghị được tiếp tục sử dụng :..... m²
2. Hình thức sử dụng đất: (8)
3. Diện tích đất bàn giao cho địa phương quản lý: (9) m²

Cam đoan nội dung báo cáo trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã báo cáo.

4. Kiến nghị giải pháp xử lý đối với diện tích đất bị lấn, bị chiếm; đang cho thuê, cho mượn trái phép, tranh chấp; diện tích đất đã bố trí làm nhà ở cho cán bộ và nhân viên:.....

Cam đoan nội dung báo cáo trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã báo cáo.

Kèm theo báo cáo này có các giấy tờ sau đây:

- Trích lục bản đồ địa chính (hoặc bản trích đo địa chính khu đất quản lý, sử dụng);

- Thống kê các thửa đất đang sử dụng (nếu có nhiều thửa đất);
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất hiện có (bản sao hoặc bản gốc)./.

Đại diện của tổ chức sử dụng đất
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Mục (1) và Mục (2): ghi tên và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

Mục (3): ghi tên của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Mục (4): ghi tên khu vực (xứ đồng, điểm dân cư,...); số nhà, tên đường phố (nếu có), thôn, tổ dân phố, tên đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, nơi có thửa đất.

Mục (5) và mục (6): ghi cụ thể loại đất, mục đích sử dụng theo Quyết định giao đất, cho thuê đất và loại đất, mục đích sử dụng thực tế.

Mục (7): ghi một trong các hình thức như: giao đất có thu tiền, thuê đất trả tiền một lần, thuê đất trả tiền hàng năm.

Mục (8): ghi đầy đủ các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai.

Mục (9): ghi cụ thể lý do diện tích đất bàn giao cho địa phương.

Đơn vị báo cáo:.....
.....

THỐNG KÊ CÁC THỬA ĐẤT
(Kèm theo Báo cáo rà soát hiện sử dụng đất số
ngày tháng năm.....)

Số tờ bản đồ	Số thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác đang sử dụng (nếu có)	Nguồn gốc sử dụng	Tài sản gắn liền với đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện của tổ chức sử dụng đất
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Mẫu này lập cho toàn bộ diện tích đất của tổ chức và lập theo thứ tự từng tờ bản đồ, từng thửa đất;

- Cột (1), Cột (2): ghi số tờ bản đồ, số thửa đất và tên đơn vị hành chính nơi có đất.
- Cột (3): ghi diện tích của thửa đất.
- Cột (4): Mục đích hiện đang sử dụng của thửa đất.
- Cột (5): ghi tên người đang sử dụng do thuê, mượn đất, lấn chiếm đất, được phân làm nhà ở;
- Cột (6): ghi rõ hình thức “Thuê đất” hoặc “Mượn đất, lấn chiếm đất, được phân làm nhà ở...”.
- Cột (7): ghi thông tin: loại tài sản, diện tích xây dựng, tổng diện tích sàn, số tầng,

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DSTB-

DANH SÁCH CÔNG KHAI

Kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Tại xã:, huyện:, tỉnh:

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp

Danh sách này được công khai trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày.../.../..., đến ngày.../.../... Tại địa điểm:

Người không đồng ý với kết quả thẩm tra trên đây thì gửi đơn đến UBND xã, phường, thị trấn để giải quyết; sau thời gian trên Nhà nước sẽ không xem xét giải quyết./

Xác nhận của đại diện những người sử dụng đất về việc đã công khai danh sách này
(Ký, ghi rõ họ, tên và địa chỉ)

....., ngày tháng năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05/ĐK Mẫu đơn này dùng để lấy ý kiến của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/QUẬN/THỊ
XÃ/THÀNH PHỐ...
**PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số:/YK-TNMT

PHIẾU LẤY Ý KIẾN
Về việc chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

Kính gửi: (cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện)

Phòng Tài nguyên và Môi trường

Đề nghị Quý cơ quan có ý kiến giấy xác nhận đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp sau đây:

I. Thông tin về chủ sở hữu và tài sản gắn liền với đất đề nghị chứng nhận quyền sở hữu

1. Tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:

1.1. Giấy tờ nhân thân:

1.2. Địa chỉ:

2. Tài sản gắn liền với đất do chủ sở hữu kê khai như sau:

2.1. Tên tài sản:

2.2. Địa chỉ:

2.3.....

.....

.....

3. Giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất gửi kèm theo gồm:

.....

.....

II- Nội dung đề nghị có ý kiến

.....

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- UBND xã (để phối hợp);
- Lưu: VT,

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....
HỘI ĐỒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-HĐĐK

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**của Hội đồng đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu
đối với hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất của ông (bà)**

.....

- Căn cứ quy định tại Nghị định số ... /2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai

- Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân xã..... về việc thành lập Hội đồng đăng ký đất đai lần đầu (Hội đồng đăng ký).

Hội đồng đăng ký nhận được hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền của ông (bà) Ngày ... tháng ... năm ... , Hội đồng đăng ký tổ chức phiên họp/lấy ý kiến các thành viên Hội đồng.

I. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự họp

(Nội dung 1 và nội dung 3 chỉ ghi đối với trường hợp tổ chức họp)

1. Thời gian: bắt đầu lúc ..., kết thúc lúc ...

2. Địa điểm:

3. Thành phần:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (Bà) ..., chức vụ ..., Chủ tịch Hội đồng.

- Các thành viên Hội đồng đăng ký theo Quyết định số/QĐ-UBND có mặt ... thành viên dự họp có tên dưới đây:

(1) Ông (Bà), chức vụ ..., Chủ tịch Hội đồng;

(2) Ông (Bà), chức vụ ..., Thường trực Hội đồng;

(3) Ông (Bà), chức vụ ..., Thành viên Hội đồng;

.....

II. Nội dung phiên họp/lấy ý kiến:

1. Thông tin về lý do phiên họp/lấy ý kiến

.....

2. Ý kiến của thành viên Hội đồng đăng ký

- Ông (Bà).....;

- Ông (Bà).....;

- Ông (Bà).....;

.....

3. Kết luận của Hội đồng

Sau khi nghe ý kiến trao đổi của các thành viên Hội đồng, ông (bà), Chủ tịch Hội đồng đã kết luận như sau:

1. Về hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

-;

-

2. Về tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:

-;

-

3. Về thời điểm sử dụng đất, tạo lập tài sản trên đất:

-;

-

4. Về nguồn gốc sử dụng đất:

-;

-

5. Về sự phù hợp với quy hoạch:

-;

-

Biên bản này được các thành viên Hội đồng đăng ký biểu quyết nhất trí với .../... thành viên.

Biên bản thông qua vào hồi ngày ... tháng ... năm tại ... và được lập thành 03 bản (02 bản gửi Ủy ban nhân dân xã ...) và 01 bản lưu Hội đồng đăng ký và có giá trị pháp lý như nhau./.

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG

THƯỜNG TRƯC
HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

XÃ(1).....

Số: /TTr-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

**Về việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất cho(2)..... đối với
thửa đất tại xã(1).....**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện ...;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

Ủy ban nhân dân xã(1)..... nhận được hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất của(3)....., kèm theo Biên bản của Hội đồng đăng ký đất đai lần đầu cho ông (bà) Ủy ban nhân dân xã ... báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường nội dung cụ thể như sau:

I. Căn cứ để xem xét xác nhận các nội dung theo quy định

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
- Luật Đất đai;
- Nghị định số/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

- Các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:
- Các quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gồm:.....;
- Các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Biên bản của Hội đồng đăng ký đất đai lần đầu

(Thể hiện nội dung tóm tắt kết luận của Hội đồng đăng ký đất đai lần đầu)

3. Hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất

3.1. Hồ sơ do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản nộp gồm có:

-
-
-

3.2. Hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã lập gồm:

- Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư thôn (hoặc những người hiểu biết về nguồn gốc thửa đất);
- Thông báo của UBND xã về công khai hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất cho ông, bà..... đang sử dụng đất tại thôn....., xã.....;
- Danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất....;
- Biên bản về việc kết thúc công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất;
- Biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất;
- Giấy tờ, tài liệu địa chính, hình chụp hiện trạng nhà đất sao kèm theo hồ sơ, các loại giấy tờ khác (nếu có);

II. Xác nhận các nội dung

1. Về hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

-
-

2. Về tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:

-
-

3. Về thời điểm sử dụng đất, tạo lập tài sản trên đất:

-
-

4. Về nguồn gốc sử dụng đất:

-
-

5. Về sự phù hợp với quy hoạch:

-
-

III. Đề xuất, kiến nghị

Căn cứ các nội dung nêu trên, Ủy ban nhân dân xã chuyển hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất kèm theo Tờ trình này, gồm:

1. Biên bản của Hội đồng đăng ký đất đai lần đầu;
2. Hồ sơ do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản nộp;
3. Hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã lập;
4. Các giấy tờ khác (nếu có).

Ủy ban nhân dân xã.... kính trình UBND huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét, thực hiện theo phạm vi, trách nhiệm và thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ ...
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số: /TTr-TNMT

TỜ TRÌNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho ... (1) ... đối với thửa đất tại xã ... (2) ...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố ...;

Phòng Tài nguyên và Môi trường nhận được Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân xã ... (2) ... (kèm theo các giấy tờ, hồ sơ) về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất cho ... (1) ..., sau khi kiểm tra, xem xét, căn cứ quy định của pháp luật về đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân huyện cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
- Luật Đất đai;
- Các nghị định của Chính phủ: ...;
- Các thông tư của Bộ trưởng Bộ ...;
- Các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố: ...;
- Các quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gồm: ...;
- Các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Căn cứ hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, gồm:

- Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân xã ... (2) ...;
- ...;
-

3. Đề xuất, kiến nghị

Sau khi thẩm định hồ sơ, căn cứ quy định tại điểm ..., khoản ..., điều ... của Luật Đất đai, điểm ..., khoản ..., điều ... của Nghị định số ... thì hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất của ... (1) ... đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

Phòng Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, cấp Giấy chứng nhận cho ... (1) ...

4. Hồ sơ kèm theo Tờ trình:

- 4.1. Chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính;
- 4.2. Giấy chứng nhận;
- 4.3. Dự thảo Quyết định cho thuê đất (nếu có);
- 4.4. Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất;
- 4.5. Hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất (3)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- UBND xã....;
- Lưu: VT,

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

...(1)...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số: ... /TTr-TNMT

TỜ TRÌNH

Về việc ... (2) ... cho ... (3) ...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố(1).....

I. Phần căn cứ thực hiện

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;
- Căn cứ Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất của ... (3) ...
- Căn cứ Kết quả kiểm tra thực tế sử dụng đất ngày ... tháng ... năm ...

II. Phần nội dung trình

1. Kết quả kiểm tra thực tế sử dụng đất, cụ thể:

1.1. Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: m²; trong đó:

- Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: m²;
- Diện tích đất sử dụng không đúng mục đích: m²;
- Diện tích đất đang bị lấn, bị chiếm: m²;
- Diện tích đất đã cho các tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân thuê hoặc mượn sử dụng: m²;
- Diện tích đất đã liên doanh, liên kết trái pháp luật: m²;
- Diện tích đất không được sử dụng đã quá 12 tháng hoặc tiến độ sử dụng chậm đã quá 24 tháng: m²;
- Diện tích đất của tổ chức đã bố trí cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của tổ chức làm nhà ở trước ngày Luật Đất đai có hiệu lực thi hành: m²;
- Diện tích đất mà doanh nghiệp nhà nước sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối đã được Nhà nước giao đất mà doanh nghiệp đã cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng một phần quỹ đất làm đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004: m²;
- Diện tích đất đang có tranh chấp sử dụng: m²;

1.2. Các tài sản gắn liền với thửa đất đủ điều kiện được nhà nước giao đất, cho thuê đất, gồm:

Loại công trình xây dựng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số tầng	Thời hạn sở hữu	Tại thửa đất số

2. Đề xuất việc giao đất, cho thuê đất:

2.1. Diện tích đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(1)... giao đất cho ...(3)... với nội dung cụ thể tại dự thảo Quyết định giao đất kèm theo Tờ trình này.

2.2. Diện tích đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(1)... cho thuê đất cho ...(3)... với nội dung cụ thể tại dự thảo Quyết định cho thuê đất kèm theo Tờ trình này.

3. Nội dung khác (nếu có):

.....

.....

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;
- Lưu: VT,

- (1) Ghi rõ tên UBND cấp tỉnh/thành phố.
- (2) Ghi rõ theo từng hình thức như: Về việc giao đất, Về việc cho thuê đất.
- (3) Ghi tên tổ chức được giao đất, cho thuê đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất

(Xem kỹ hướng dẫn viết Đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên Đơn)

1.1. Tên:

1.2. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:.....

1.3. Địa chỉ:

1.4. Điện thoại liên hệ:..... Hộp thư điện tử:.....

(Trường hợp nhiều người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản đó vào danh sách kèm theo Mẫu 02a/ĐK)

2. Giấy chứng nhận đã cấp

2.1. Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận:.....;

2.2. Số phát hành Giấy chứng nhận:.....;

2.3. Ngày cấp Giấy chứng nhận:/...../.....;

3. Nội dung biến động:

-
.....
.....
.....

4. Lý do biến động (nếu có):

-
.....
.....
.....

5. Giấy tờ liên quan đến nội dung biến động nộp kèm theo đơn này gồm có:

(1) Giấy chứng nhận đã cấp;

(2)

(3)

(4)

.....

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền và nghĩa vụ của những người đồng sử dụng, đồng sở hữu kèm theo Đơn này./.

....., ngày tháng ... năm

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Hướng dẫn kê khai đơn:

1) Mục “Kính gửi”:

- Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì ghi “Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai.....” nơi có đất.

- Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao và người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài có nhu cầu đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất mà không cấp Giấy chứng nhận thì ghi “Văn phòng đăng ký đất đai...” nơi có đất.

2) Mục 1.1, Mục 1.2 và Mục 1.3: ghi đúng thông tin trên Giấy chứng nhận đã cấp.

3) Mục 1.4: ghi số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử (nếu có).

4) Mục 3: ghi nội dung biến động theo quy định tại Điều 133 của Luật Đất đai

Ví dụ: - Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

- Thế chấp/xóa thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

- Thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình;

- Chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 121 của Luật Đất đai.

5) Mục 4: ghi bổ sung thêm lý do biến động so với nội dung biến động tại Mục 3.

Ví dụ:

- Tại Mục 3 ghi: cấp đổi Giấy chứng nhận. Tại Mục 4 ghi: do Giấy chứng nhận đã cấp bị ố, nhòe, rách, hư hỏng hoặc đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất.

Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất...;

- Tại Mục 3 ghi: cấp lại Giấy chứng nhận. Tại Mục 4 ghi: do bị mất;

6) Mục 5: ghi đầy đủ các loại giấy tờ nộp kèm theo Đơn này.

.....
(TÊN ĐƠN VỊ CHUYÊN
THÔNG TIN⁽¹⁾)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/PCTTĐC

....., ngày..... tháng năm

PHIẾU CHUYÊN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi:.....

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Mã hồ sơ ⁽²⁾):.....

1.2. Ngày nhận hồ sơ ⁽³⁾:

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1. Tên ⁽⁴⁾:.....

2.2. Địa chỉ ⁽⁵⁾

2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....

2.4. Mã số thuế (nếu có):.....

2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân ⁽⁶⁾:

Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... ..

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính ⁽⁷⁾:.....

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất

3.1.1. Thửa đất số:.....; Tờ bản đồ số:

3.1.2. Địa chỉ tại ⁽⁸⁾:

3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:

- Đường/đoạn đường/khu vực:.....

- Vị trí thửa đất ⁽⁹⁾:.....

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):.....m.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất:.....m²

- Diện tích sử dụng chung:m²

- Diện tích sử dụng riêng:m²
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m²
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²
- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²
- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²
- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:.....m²
- 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:.....
- 3.1.6. Mục đích sử dụng đất ⁽¹⁰⁾:.....
Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:.....
- 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:
- Ổn định lâu dài ☐
- Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....
- Gia hạn..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....
- 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;
- 3.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất ⁽¹¹⁾:
- Hình thức đang sử dụng:.....
- Hình thức sau khi chuyển:.....
- 3.1.10. Giá đất:
- Giá đất cụ thể⁽¹²⁾:.....
- Giá trúng đấu giá:.....
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất ⁽¹³⁾:.....
- 3.1.11. Giấy tờ về quyền sử dụng đất ⁽¹⁴⁾:.....

3.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác

- 3.2.1. Loại nhà ở, công trình:.....; cấp hạng nhà ở, công trình:.....;
- 3.2.2. Diện tích xây dựng:.....m²;
- 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng:.....m²;
- 3.2.4. Diện tích sở hữu chung:.....m²; Diện tích sở hữu riêng:.....m²;
- 3.2.5. Kết cấu:.....; Số tầng nổi:.....; Số tầng hầm:.....
- 3.2.5. Nguồn gốc:.....
- 3.2.6. Năm hoàn công:.....năm.
- 3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: năm.

IV. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC, THUÊ MẶT NƯỚC

4.1. Đối với thuê đất xây dựng công trình ngầm

- Diện tích thuê đất xây dựng công trình ngầm:.....m²;

- Giá đất cụ thể tính tiền thuê đất của phần diện tích đất xây dựng công trình ngầm ⁽¹⁵⁾:.....

4.2. Đối với thuê đất có mặt nước

- Diện tích đất:.....m²;

- Diện tích mặt nước:.....m²;

- Giá đất cụ thể tính tiền thuê đất của phần diện tích đất⁽¹⁶⁾:.....

V. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT (nếu có)

5.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động)

5.1.1. Loại biến động:.....

5.1.2. Loại tài sản biến động:.....

5.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)

- Đối tượng ghi nợ:.....

- Loại nghĩa vụ được ghi nợ:.....

5.3. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp

Tên của khoản được trừ:.....

VI. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO ⁽¹⁷⁾

.....

.....

.....

.....

.....

.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN GHI MỘT SỐ THÔNG TIN TẠI PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN

(1) Ghi tên Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

(2) Ghi Mã hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính).

(3) Ghi theo Thời gian nhận hồ sơ trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.

Mục II. Ghi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Trường hợp nhiều người cùng chung quyền sử dụng đất, cùng chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ghi thông tin một người đại diện và danh sách theo Mẫu số 01a/LCHS

(4) Cá nhân ghi họ tên, năm sinh; hộ gia đình ghi “Hộ ông:”(hoặc “Hộ bà”), tên và năm sinh của ông (hoặc bà); vợ chồng ghi họ tên, năm sinh của cả người vợ và chồng; Tổ chức ghi tên theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư; cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch.

(5) Địa chỉ để gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính và trong trường hợp cần thiết liên lạc đề nghị cung cấp hồ sơ bổ sung theo quy định.

(6) Ghi tên loại giấy tờ nhân thân/pháp nhân như: Căn cước công dân, Căn cước, Hộ chiếu, Quyết định thành lập v.v...

(7) Ghi loại thủ tục như: Cấp Giấy chứng nhận lần đầu, chuyển nhượng, tặng cho, chuyển mục đích v.v...

Mục III.

Điểm 3.1. Ghi thông tin từng thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất, vị trí, căn cứ pháp lý, mục đích sử dụng thì kê khai thông tin chung và tổng diện tích; đồng thời lập danh sách theo Mẫu số 01a/LCHS

(8) Ghi rõ tên đường/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố;

(9) Vị trí thửa đất trong bảng giá đất (vị trí 1, 2, 3,...);

(10) Mục đích sử dụng đất theo phân loại đất và là mục đích tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc mục đích sau khi chuyển mục đích sử dụng đất.

(11) Ghi hình thức sử dụng đất như: giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất thuê đất trả tiền hàng năm hoặc thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê v.v...

(12), (13), (15), (16) Giá đất cụ thể đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp phải xác định giá đất cụ thể theo quy định pháp luật về giá đất;

(14) Ghi tên loại giấy tờ, số, ngày, tháng, năm và trích yếu của văn bản. Ví dụ: Quyết định giao đất số 15/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 về việc giao đất tái định cư v.v...

Điểm 3.2. Ghi thông tin về tài sản gắn liền với đất. Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình thì kê khai thông tin chung và tổng diện tích; đồng thời lập danh sách theo Mẫu số 01a/LCHS.

Mục VI.

(17) Ghi các giấy tờ chuyển cho cơ quan thuế, cơ quan tài chính theo quy định tại Nghị định này.

PHỤ LỤC SỐ 03

(Ban hành kèm theo Nghị định số...../2024/NĐ-CP)

STT	Ký hiệu	Tên mẫu
1	Mẫu số 01/CCTT	Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai
2	Mẫu số 02/CCTT	Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (khai điện tử)
3	Mẫu số 03/CCTT	Hợp đồng cung cấp dữ liệu đất đai

Mẫu số 01/CCTT
(Kèm theo Nghị định số/2024/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ: Giờ ... phút,
ngày .../.../... Quyển số Số thứ tự
.....

Người nhận hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu:

.....

Đại diện là ông (bà) Số CCCD/CC/Hộ chiếu

cấp ngày/...../..... tại; Quốc tịch

2. Địa chỉ:

.....

3. Số điện thoại; fax; E-mail: ;

4. Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp của Thửa đất số,
địa chỉ

Đánh dấu "X" vào nội dung cần cung cấp thông tin):

☐ Thửa đất ¹ ☐ Lịch sử biến động ☐ Hạn chế về quyền

☐ Người sử dụng đất ² ☐ Quy hoạch sử dụng đất ☐ Giá đất

☐ Quyền sử dụng đất ☐ Trích lục bản đồ

☐ Tài sản gắn liền với đất ☐ Trích sao GCNQSDĐ ☐ Tất cả thông tin trên

☐ Tình trạng pháp lý ☐ Giao dịch đảm bảo

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:

.....
6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả: bộ

☐ **Bản giấy sao chụp** ☐ **Nhận tại nơi cung cấp** ☐ **Lưu trữ điện tử USB, CD**

☐ **Gửi EMS theo địa chỉ** ☐ **Fax** ☐ **Email**

7. Cam kết sử dụng dữ liệu: Tôi cam đoan không sử dụng dữ liệu được cung cấp trái với quy định của pháp luật và không cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào khác.

NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên
và đóng dấu nếu là cơ quan, tổ chức)

¹ Dữ liệu Thừa đất bao gồm: Số hiệu thừa đất, số tờ BĐDC, diện tích, địa chỉ.

² Dữ liệu Người sử dụng đất bao gồm: Họ tên vợ chồng, năm sinh, CCCD/CC, địa chỉ.

Mẫu số 02/CCTT
(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN

HỒ SƠ

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ: ... Giờ
... phút, ngày .../.../... Quyển số Số
thứ tự.....

Người nhận hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI
(khai điện tử)

Kính gửi:

I. Phần thông tin của người yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu:

.....

Đại diện là ông (bà)Số CCCD/TCC/ĐDCN/CC/Hộ chiếu.

cấp ngày/...../..... tại; Quốc tịch

2. Địa chỉ:

.....

3. Số điện thoại; fax; E-mail:

4. Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp :

(đánh dấu "X" vào ô vuông tài liệu đề nghị cung cấp và điền thông tin theo yêu cầu)

4.1. Tài liệu địa chính

4.1.1. Thừa đất đủ thông tin cho đối tượng là người sử dụng/quản lý, sở hữu tài sản gắn liền với đất	☐
- Tờ bản đồ số (thửa đất số):.....	
- Địa chỉ thửa đất:.....xã:....., huyện:....., tỉnh:.....	
(Yêu cầu trình giấy tờ để xác thực chủ sử dụng/quản lý hợp pháp của thửa đất khi nhận tài liệu)	

4.1.2. Thừa đất đủ thông tin cho đối tượng là người sử dụng/quản lý, sở hữu tài sản gắn liền với đất	☐
- Tờ bản đồ số (thửa đất số):.....	
- Địa chỉ thửa đất:.....xã:....., huyện:....., tỉnh:.....	

4.1.3. Lịch sử biến động (theo hồ sơ đăng ký biến động)	☐
- Tờ bản đồ số (thửa đất số):.....	
- Số hiệu giấy chứng nhận:.....	
- Địa chỉ thửa đất:.....xã:....., huyện:....., tỉnh:.....	

4.1.3. Lịch sử biến động (theo hồ sơ đăng ký biến động)	☐
(Yêu cầu trình giấy tờ để xác thực chủ sử dụng/quản lý hợp pháp của thửa đất khi nhận tài liệu)	

4.1.4. Bản đồ địa chính	☐
- Tờ bản đồ số:..... - Địa chỉ thửa đất: xã:....., huyện:....., tỉnh:..... - Loại bản đồ dạng số (Vector) ☐ , Loại bản đồ dạng ảnh (Raster) ☐	

4.1.5. Dữ liệu không gian đất đai nền	☐
- Đơn vị hành chính: xã:....., huyện:....., tỉnh:..... - Lớp dữ liệu điểm khống chế đo đạc ☐ - Lớp dữ liệu biên giới, địa giới ☐ - Lớp dữ liệu thủy hệ ☐ - Lớp dữ liệu giao thông ☐ - Lớp dữ liệu địa danh, ghi chú ☐	

4.1.6. Dữ liệu không gian địa chính	☐
- ☐ Toàn bộ đơn vị hành chính cấp xã, ☐ Tờ bản đồ:..... - Đơn vị hành chính: xã:....., huyện:....., tỉnh:.....	

4.1.7. Trích sao GCNQSDĐ	☐
- Số hiệu giấy chứng nhận:..... - Địa chỉ thửa đất:.....xã:....., huyện:....., tỉnh:..... (Yêu cầu trình giấy tờ để xác thực chủ sử dụng/quản lý hợp pháp của thửa đất khi nhận tài liệu)	

4.1.8. Giao dịch đảm bảo	☐
- Số hiệu giấy chứng nhận:..... - Địa chỉ thửa đất:.....xã:....., huyện:....., tỉnh:..... (Yêu cầu trình giấy tờ để xác thực chủ sử dụng/quản lý hợp pháp của thửa đất khi nhận tài liệu)	

4.1.9. Hồ sơ đăng ký đất đai	☐
- Tờ bản đồ số (thửa đất số):..... - Số hiệu giấy chứng nhận:..... - Địa chỉ thửa đất:.....xã:....., huyện:....., tỉnh:..... (Yêu cầu trình giấy tờ để xác thực chủ sử dụng/quản lý hợp pháp của thửa đất khi nhận tài liệu)	

4.2. Kết quả thống kê, kiểm kê đất đai

Loại tài liệu	Cung cấp	Năm	Tên đơn vị hành chính		
			Xã/Huyện/Tỉnh	Vùng	Cả nước
Dữ liệu không gian hiện trạng sử dụng đất	☐			☐	☐
Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	☐			☐	☐
Dữ liệu không gian kiểm kê đất đai	☐				
Bản đồ kiểm kê đất đai	☐				
Dữ liệu không gian kiểm kê theo chuyên đề:	☐				
Bản đồ kiểm kê đất đai chuyên đề:	☐			☐	☐
Bộ tài liệu kết quả thống kê đất đai	☐				
Bộ tài liệu kết quả kiểm kê đất đai	☐			☐	☐
Bộ số liệu kết quả thống kê đất đai	☐				
Bộ số liệu kết quả kiểm kê đất đai	☐			☐	☐
Bộ tài liệu kết quả kiểm kê đất đai theo chuyên đề:	☐			☐	☐
Bộ số liệu kết quả kiểm kê đất đai theo chuyên đề:	☐			☐	☐

4.3. Kết quả lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Loại tài liệu	Cung cấp	Năm hoặc kỳ	Cấp đơn vị hành chính		
			Huyện/Tỉnh	Vùng	Cả nước
Dữ liệu không gian quy hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐
Bản đồ quy hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐
Dữ liệu không gian kế hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐
Bản đồ kế hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐
Dữ liệu không gian điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐
Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐
Bộ tài liệu kết quả lập quy hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐

Bộ tài liệu kết quả lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐
Bộ tài liệu kết quả lập kế hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐
Bộ số liệu kết quả lập quy hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐
Bộ số liệu kết quả lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐
Bộ số liệu kết quả lập kế hoạch sử dụng đất	☐			☐	☐

4.4. Tài liệu giá đất

Loại tài liệu	Cung cấp	Năm hoặc kỳ	Cấp đơn vị hành chính
Khung giá đất	☐		
Bảng giá đất	☐		
Bảng giá đất tại khu vực giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	☐		
Bản đồ giá đất tại khu vực giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	☐		
Giá đất: giá cụ thể; giá chuyển nhượng trên thị trường; giá theo bảng giá đất; giá theo kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất	☐		- Tờ bản đồ số(thửa đất số):..... - Số hiệu giấy chứng nhận:..... - Địa chỉ thửa đất (xã,huyện, tỉnh):.....

4.5. Tài liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất

Loại tài liệu	Cung cấp	Năm hoặc kỳ	Cấp đơn vị hành chính (tỉnh/vùng, cả nước) hoặc chuyên đề
Lớp thông tin lưu trữ dữ liệu điều tra	☐		
Bản đồ chuyên đề: - Địa hình: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét - Đất: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét - Tình hình sử dụng đất: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét - Khí hậu: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét	☐		

- Chế độ nước: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét - Độ phì nhiêu: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét - Khác: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét			
Bản đồ kết quả đánh giá chất lượng đất: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét	☐		
Bản đồ chuyên đề về: - Hiệu quả kinh tế: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét - Hiệu quả xã hội: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét - Hiệu quả môi trường: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét	☐		
Bản đồ kết quả đánh giá tiềm năng đất đai: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét	☐		
Bản đồ vị trí điểm lấy mẫu đất: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét	☐		
Bản đồ nguồn, tác nhân gây ô nhiễm, ranh giới vùng đất: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét	☐		
Bản đồ kết quả phân tích trong đánh giá ô nhiễm đất: - Mẫu đất: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét - Nước: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét	☐		
Bản đồ kết quả đánh giá ô nhiễm đất: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét	☐		
Bản đồ bản đồ thoái hóa đất ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét	☐		
Bản đồ bản đồ phân hạng đất nông nghiệp: ☐ dữ liệu ☐ bản đồ số ☐ bản đồ quét	☐		
Thông tin phẫu diện đất	☐		- Ký hiệu phẫu diện:..... - Địa chỉ lấy mẫu:..... xã:....., huyện:....., tỉnh:.....

Thông tin mẫu nước theo Phiếu lấy mẫu nước	☐		- Ký hiệu mẫu:..... - Địa chỉ lấy mẫu:..... xã:....., huyện:....., tỉnh:.....
Phiếu điều tra tình hình sử dụng đất và tiềm năng đất nông nghiệp:	☐		- Mã phiếu:..... - Địa chỉ lấy mẫu:..... xã:....., huyện:..... , tỉnh:.....
Phiếu điều tra tiềm năng đất phi nông nghiệp	☐		- Mã phiếu:..... - Địa chỉ lấy mẫu:..... xã:....., huyện:....., tỉnh:.....
Báo cáo điều tra, đánh giá đất đai ☐ Cấp cả nước ☐ Cấp vùng ☐ Cấp tỉnh ☐ Chuyên đề:.....	☐		
Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai ☐ Cấp cả nước ☐ Cấp vùng ☐ Cấp tỉnh ☐ Chuyên đề:.....	☐		
Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá về đánh giá thoái hóa đất, ô nhiễm đất ☐ Cấp cả nước ☐ Cấp vùng ☐ Cấp tỉnh ☐ Chuyên đề:.....	☐		
Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá về phân hạng đất nông nghiệp ☐ Cấp cả nước ☐ Cấp vùng ☐ Cấp tỉnh ☐ Chuyên đề:.....	☐		

Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá về kết quả quan trắc giám sát tài nguyên đất ☐ Cấp cả nước ☐ Cấp vùng ☐ Cấp tỉnh ☐ Chuyên đề:.....	☐		
--	--------------------------	--	----------------

4.6. Yêu cầu tài liệu, dữ liệu đất đai khác

(Ghi rõ loại tài liệu, dữ liệu theo mã văn bản, tên văn bản, năm phát hành, loại dữ liệu, năm tạo lập dữ liệu, phạm vi dữ liệu...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:

.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng qua: ☐ Bản giấy, cơ sở nhân sao:..... ☐ Bản số

7. Phương thức nhận kết quả:

- ☐ Nhận tại nơi cung cấp ☐ Gửi EMS theo địa chỉ ☐ Email
☐ Fax ☐ Tin nhắn SMS

8. Cam kết sử dụng dữ liệu: Tôi cam đoan không sử dụng dữ liệu được cung cấp trái với quy định của pháp luật và không cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào khác.

NGƯỜI YÊU CẦU

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là cơ quan, tổ chức)

II. Phần thông tin của đơn vị cung cấp dữ liệu đất đai

1. Phần thông tin đơn vị tiếp nhận

1.1. Cơ quan/đơn vị tiếp nhận phiếu yêu cầu cung cấp thông tin:.....

Địa chỉ:.....

1.2. Thời gian tiếp nhận:.....

1.3. Hình thức tiếp nhận: ☐ Trực tiếp ☐ Trực tuyến

1.3. Người tiếp nhận:.....

2. Phần thông tin đơn vị cung cấp

2.1. Cơ quan/đơn vị tiếp nhận phiếu yêu cầu cung cấp thông tin:.....

.....

Địa chỉ:.....

2.2. Thời gian tiếp nhận:.....

2.3. Người xử lý, tổng hợp cung cấp:.....

2.4. Phần tính phí (đồng)

2.4.1. Phí cung cấp thông tin:.....

2.4.2. Phụ phí (in ấn, nhân sao kết quả, chuyển kết quả đến người yêu cầu cung cấp)

.....

2.4.3. Tổng phí (2.4.1+2.4.2):.....

2.4.4. Miễn, giảm phí:.....

2.4.5. Tổng phí sau miễn, giảm (2.4.3-2.4.4):.....

2.4.6. Thuế GTGT (10%*2.4.5):.....

2.4.7. Tổng phí phải nộp:.....

(Bằng chữ:.....)

Người cung cấp

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03/CCTT

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Nghị định số/2024/NĐ-CP)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HĐCCTT

....., ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

- Căn cứ Bộ luật dân sự;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm, tại, chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp dữ liệu (Bên A):

Cơ sở dữ liệu thuộc
Đại diện
Chức vụ:
Địa chỉ:
Điện thoại, Fax: Email:

2. Bên yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (Bên B):

Tên tổ chức, cá nhân:
Đại diện:
Chức vụ:
Địa chỉ:
Điện thoại, Fax: Email:
Số tài khoản:

Hai bên nhất trí thỏa thuận ký hợp đồng cung cấp dữ liệu đất đai như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

(về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu)

.....
.....

Điều 2. Thời gian thực hiện:

..... ngày, kể từ ngày tháng năm

Điều 3. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng:
- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:.....
- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu:
- Nhận gửi qua đường bưu điện:

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Phí và chi phí phải trả cho việc cung cấp dữ liệu đất đai là: đồng.

(Bằng chữ: đồng)

Trong đó: Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai là: đồng

Phí dịch vụ cung cấp dữ liệu là: đồng

Số tiền đặt trước: đồng

Hình thức thanh toán (*tiền mặt, chuyển khoản*):

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

.....
.....

Điều 6. Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

.....
.....

Điều 7. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành Bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ bản, bên B giữ bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày

.....

BÊN B

(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức, ghi họ
tên đối với cá nhân)

BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)